TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CON CUÔNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 7 - 2018.
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Hồng Lợi.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Phúc;
2. Bà Võ Thị Hồng Long;
Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CC – tỉnh Nghệ An.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CC, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Hoa -Kiểm sát viên.
Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CC, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 19/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXX-ST ngày 12/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu S – sinh năm 1993. Có mặt;
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng D– sinh năm 1988. Vắng mặt;

Đều có địa chỉ tại: Thôn QT, xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 12/9/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Phan Thị Thu S trình bày: Chị với anh Nguyễn Hoàng D kết hôn với nhau vào ngày 14/7/2016 tại Ủy ban nhân dân xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không có sự ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyễn cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, đã nhiều làn anh D đánh đập chị. Nguyên nhân do quan điểm, tính chách không phù hợp và do anh D nghiện chất ma túy mặc dầu chị và gia đình khuyên can nhưng anh vẫn không chịu thay đổi mà ngày càng sa đọa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được chính quyền địa phương và gia đình hai bên hòa giải nhưng không được cải thiện mà

ngày càng trầm trọng. Hiện nay vợ chồng chị vẫn sống chung với nhau nhưng chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hoàng D.

Về con chung: Chị và anh D có với nhau một người con chung tên là Nguyễn Hoàng Bảo A sinh ngày 01/01/2017. Hiện nay cháu đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu An và không yêu cầu anh D cáp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung**:** Chị và anh D thỏa thuận tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng D trình bày: Thời gian tìm hiểu và kết hôn anh D thừa nhận như chị Sươn trình bày là đúng sự thật, anh không bổ sung gì thêm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến tháng 8/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm, tính cách không phù hợp, do anh ham chơi với bạn bè không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh thấy tình cảm vợ chồng vãn còn, vợ chồng vẫn có thể khắc phục sửa chữa trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con cái nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh. Anh không đồng ý.

Về con chung: Anh chị có một người con chung như chị S trình bày. Nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện nay cháu An còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, về vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh cũng đồng ý với ý kiến của chị S.

Về tài sản chung: Anh và chị S thỏa thuận tự chia không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 05/4/2018 tại địa phương cho thấy: chị S và anh D kết hôn với nhau vào năm 2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây có xảy ra mâu thuẫn do các bên không biết yêu thương tôn trọng, tin tưởng nhau nhau, sự việc của vợ chồng chị S chính quyền địa phương cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng. Hiện nay hai vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung với nhau nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CC phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho chị Phan Thị Thu S được ly hôn anh Nguyễn Hoàng D. Về con chung giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo A cho chị S nuôi dưỡng cho đến khi cháu An trưởng thành. Chị S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn; bị đơn anh Nguyễn Hoàng D hiện cư trú tại thôn QT, xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CC theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên sau khi ly hôn nên theo quy định, Tòa án xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại UBND xã CK, huyện CC là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: xét chị Phan Thị Thu S và anh Nguyễn Hoàng D đăng ký kết hôn ngày 14/7/2016 tại UBND xã CK, huyện CC, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị S, nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm, tính chách không phù hợp, do anh D nghiện chất ma túy và ngày càng sa đọa. Anh D cho rằng, nguyên nhân do anh ham chơi với bạn bè không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặc dù các đương sự không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng qua xác minh tại địa

phương cho thấy giữa vợ chồng chị S và anh D thường xảy ra cãi vã, xô xát và đánh đập nhau nên chị S về sống cùng bố mẹ đẻ, anh D sống tại nhà của bố mẹ anh D. Như vậy, chị S và anh D đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng, không sống chung với nhau mà không có lý do chính đáng.

Xét thấy, giữa chị S và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Phan Thị Thu S được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D.

[3] Về con chung: Chị S và anh D có một con chung tên là Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 01/11/2017. Do con chung Nguyễn Hoàng Bảo A đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên các đương sự thống nhất giao cháu An cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu An trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh D. Thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: do các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phan Thị Thu S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phan Thị Thu S ly hôn anh Nguyễn Hoàng D.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo A, sinh ngày 01/01/2017 cho chị Phan Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến cháu An tròn 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Hoàng D.

Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Chị S cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Phan Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CC, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0003321 ngày 03/4/2018. Chị S đã nộp đủ án phí DSST.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Hồng Lợi